

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hùng Cường

Bà Nguyễn Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số: 296/2019/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ánh N**, sinh năm: 198x

Địa chỉ: Thôn 1, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy B**, sinh năm: 199x

Địa chỉ: Thôn 1, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Duy B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Diên Khánh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2010. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, kinh cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; ông B hay nhậu nhẹt về chửi, đánh bà. Đến tháng 4/2019, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng; ông B bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã Diên Phú sinh sống; từ đó đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông B, không thể hàn gắn mâu thuẫn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy B.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Lê Đình D, sinh ngày: 29/01/201x và Nguyễn Lê Bảo Ng, sinh ngày: 21/5/201x. Hiện tại, cháu D đang chung sống với ông B; cháu Ng đang chung sống với bà N. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 28/5/2019, bà N trình bày có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng; giao cháu D cho ông B chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhưng tại phiên hòa giải ngày 24/6/2019 và ngày 25/7/2019, bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con; không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà N xác định không còn tình cảm với ông B; mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông B. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu D cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu Ng sẽ do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Duy B trình bày:*

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn của vợ chồng ông đúng như lời trình bày của bà N. Trong cuộc sống, vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vào tháng 4/2019, ông và bà N có xảy ra kinh cãi, do nhậu say, không giữ được bình tĩnh nên ông có đánh bà N; không khí trong gia đình quá căng thẳng nên ông về nhà cha mẹ ruột tại xã Diên Phú sinh sống; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tại bản tự khai ngày 18/6/2019 và tại các phiên hòa giải, ông B xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn bà N.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung đúng như bà N trình bày. Khi ly hôn, ông B có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và đồng ý giao cháu Ng cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng; ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, trong phần thủ tục tranh tụng, ông B trình bày tuy còn tình cảm với vợ, nhưng nay bà N đã không còn tình cảm gì với ông và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nên dù ông có cố níu kéo giữ mối quan hệ hôn nhân này thì vợ chồng cũng sống không hạnh phúc. Do đó, ông đồng ý ly hôn bà N. Ông đồng ý giao cháu Ng cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu D sẽ do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ánh N đối với ông Nguyễn Duy B; giao cháu D cho ông B chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Ng cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N, ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

[1.1]. Ngày 09/3/2010, bà Lê Thị Ánh N và ông Nguyễn Duy B đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 26/2010, quyển số 01; đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2]. Bà N xác định quá trình chung sống của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi do bất đồng quan điểm sống; ông B hay ăn nhậu, chửi đánh bà; không quan tâm, chăm sóc vợ con. Thực tế, từ tháng 4/2019 đến nay, bà N và ông B không còn chung sống với nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Tại phiên tòa, bà N khẳng định không còn tình cảm với ông B; mâu thuẫn không thể hàn gắn nên kiên quyết ly hôn ông B. Ông B trình bày nay bà N đã kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[2]. Về con chung: Bà N và ông B đều xác định vợ chồng 02 con chung là Nguyễn Lê Đình D, sinh ngày: 29/01/201x và Nguyễn Lê Bảo Ng, sinh ngày: 21/5/201x. Tại phiên tòa, bà N và ông B đã thống nhất thỏa thuận là ông B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D; bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng; ông B, bà N không cấp dưỡng nuôi con. Bà N, ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[3]. Về tài sản chung: Bà N, ông B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Bà N, ông B xác định không có nên không giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị Ánh N được ly hôn ông Nguyễn Duy B.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Lê Thị Ánh N và ông Nguyễn Duy B.

2.1. Giao Nguyễn Lê Đình D, sinh ngày: 29/01/201x cho ông Nguyễn Duy B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao Nguyễn Lê Bảo Ng, sinh ngày: 21/5/201x cho bà Lê Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Lê Thị Ánh N, ông Nguyễn Duy B không cấp dưỡng nuôi con. Bà Lê Thị Ánh N, ông Nguyễn Duy B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Quá trình nuôi con chung, bà Lê Thị Ánh N, ông Nguyễn Duy B có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Ánh N và ông Nguyễn Duy B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Ánh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Ánh N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002660 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà Lê Thị Ánh N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Ánh N, ông Nguyễn Duy B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND t.tr D, huyện Diên Khánh
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín